



Original Article

The Role of Vietnamese Villages in Crime Prevention: From the Past to Present

Le Lan Chi*

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 28 February 2022

Revised 4 June 2022; Accepted 20 June 2022

Abstract: The village, which serves as a long-lasting rural community, has managed to exist to date. In traditional Vietnamese society, the village possessed high autonomy and authority in safeguarding safety and security as well as handling crimes and criminals. Such characteristics left their marks on the contemporary Vietnamese legal culture and on the practice of combating crimes, with both positive and negative effects. This paper examines the role of villages in crime prevention in the history of Vietnam. The paper also investigates the pros and cons thereof that modern society has to cope with.

Keywords: Village, crime prevention, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: lechilan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4446>

Làng xã Việt Nam với vai trò phòng, chống tội phạm: từ quá khứ đến hiện tại

Lê Lan Chi*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 2 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 4 tháng 6 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2022

Tóm tắt: Làng xã là cộng đồng dân cư nông thôn bền vững và trường tồn tới ngày nay. Làng xã trong xã hội Việt Nam truyền thống có tính tự trị cao, có nhiều quyền hạn trong việc giữ gìn an ninh trật tự, xử lý tội phạm và người phạm tội trên địa bàn. Các đặc điểm này để lại những dấu ấn trong văn hoá pháp luật Việt Nam đương đại, trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm với nhiều mặt tích cực và cả những hạn chế nhất định. Bài viết đánh giá vai trò của làng xã với việc phòng chống tội phạm trong lịch sử Việt Nam, xác định những ưu điểm, hạn chế và cả những rào cản từ quá khứ mà xã hội hiện tại đang phải đối diện.

Từ khoá: Làng xã, phòng chống tội phạm, Việt Nam.

1. Làng xã trong xã hội Việt Nam truyền thống và vai trò đối với việc phòng, chống tội phạm

1.1. Khái quát về làng xã và mối quan hệ với nhà nước trong lịch sử Việt Nam

“Làng xã” là một từ ghép hợp bởi hai từ đơn: “làng” và “xã”. Xã là đơn vị hành chính cấp thấp nhất, ở khu vực nông thôn và cả ở phần ngoại thành, ngoại thị của các đô thị nhưng đa phần “xã là đơn vị hành chính cơ sở ở nông thôn” [6, 1760] và là đơn vị hành chính điển hình tại một đất nước nông nghiệp như Việt Nam. Xã có dân cư

và diện tích tự nhiên ở mức độ và phạm vi nhất định, được trao quyền tự chủ nhất định. Làng (thôn) là cộng đồng dân cư tạo nên xã (một xã có thể có một hay một số làng nhất định), tuy không phải là đơn vị hành chính nhưng làng là thành tố cơ bản hợp thành xã. “Làng”, “xã” khi được hợp thành từ ghép – từ ghép này là danh từ chung chỉ một cộng đồng dân cư nông thôn nhưng cũng ít nhiều mang tính chất một đơn vị hành chính, một thiết chế có quyền tự chủ, độc lập nhất định với nhà nước cũng như với các làng xã khác trong lịch sử Việt Nam trung cận đại¹. Cụ thể:

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: lechilan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4446>

¹ Cũng có những ý kiến cho rằng xã là đơn vị hành chính/cấp chính quyền, làng là đơn vị cộng đồng dân cư, hai thiết chế này không đồng hạng với nhau. Tuy nhiên, nếu coi làng xã là một hiện tượng lịch sử-văn hoá, thì hoàn toàn có thể đặt hai thiết chế này cạnh nhau, ghép lại với nhau và thực tế khái niệm “làng xã” đã được sử dụng phổ biến và chấp nhận rộng rãi. GS. Nguyễn Quang Ngọc cho rằng: “Cụm từ “làng xã” hết sức thông dụng, thậm chí nhiều người tưởng rằng làng với xã chỉ là một và có cùng nguồn

gốc rất lâu đời. Thật ra khái niệm “làng xã” chỉ xuất hiện sớm nhất là từ thế kỷ VII, nhưng chắc chắn phải đến thế kỷ X, sau khi cấp xã chính thức xuất hiện mới có điều kiện trở thành phổ biến trong xã hội” và đưa ra định nghĩa “Làng xã là một đơn vị tụ cư, đơn vị kinh tế, đơn vị tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng, đơn vị hành chính cấp cơ sở (ở đây chúng tôi muốn nói về trường hợp thời kỳ đầu một xã chỉ có một làng)”. (Xem: Nguyễn Quang Ngọc, Quan hệ nhà nước – làng xã. Quá trình lịch sử và bài học kinh nghiệm, <http://khoalichsu.edu.vn/bai-nghien-cu/383-quan-h-nha-nc-lang-xa-qua-trinh-lch-s-va-bai-hc-kinh-nghim-gsts-nguyn-quang-ngc.html>). Việc dùng khái niệm “làng xã” với cách tiếp cận như trên cũng xuất hiện trong rất nhiều

Về yếu tố “xã” của làng xã, xã được hiện diện trên bản đồ hành chính, là một đơn vị hành chính trong hệ thống chính quyền địa phương. Xã có bộ máy quản lý tương đối độc lập gồm: (i) Hội đồng kì mục (cơ quan đại diện); (ii) xã trưởng, lí trưởng, trương tuần... (cơ quan hành chính²); có tài sản, điền sản nhất định, có thẩm quyền quyết định việc thu chi khối tài sản, điền sản này; đặc biệt, xã có thẩm quyền “cảnh sát” với các hoạt động tuần phòng ngăn ngừa, phát hiện các vi phạm an ninh, trật tự trên địa bàn, có thẩm quyền “tư pháp” trong việc xét xử các vụ kiện tụng, tạp tụng quy mô nhỏ².

Về yếu tố “làng” của làng xã, làng “thường có đời sống riêng về nhiều mặt” [6, 843]: có phong tục, tập quán, truyền thống, đời sống tín ngưỡng, tâm linh tương đối riêng biệt, cư dân của làng được tổ chức, sắp xếp thứ bậc theo công trạng, tuổi tác, thâm niên, nguyên quán... Đặc biệt, làng có lệ làng – các quy phạm xã hội của cộng đồng làng, có thể được chính thức hoá, văn bản hoá - được ghi nhận thành văn với những tên gọi như hương ước, hương đoan, hương lệ, hương khoán, khoán lệ, khoán ước hoặc cũng có thể chỉ tồn tại “miệng” phi văn bản, truyền khẩu từ người này sang người khác, đời này sang đời khác.

Địa vị của làng xã trong mối quan hệ với nhà nước thể hiện rõ nét và sinh động qua mối quan hệ giữa pháp luật (phép vua) và lệ làng. Lệ làng dù thành văn hay không thành văn, đều không phải là pháp luật, nhưng tùy từng thời điểm và hoàn cảnh, đối với các thành viên của làng, có giá trị/hiệu lực thay thế, ngang bằng, thậm chí

cao hơn pháp luật của quốc gia - “phép vua thua lệ làng”. Các triều đại, tập đoàn phong kiến luôn mong muốn xây dựng một nhà nước tập quyền, chính quyền trung ương kiểm soát tốt chính quyền cơ sở, mong muốn lệ làng, hương ước là sự bổ sung cho pháp luật, hương ước là “cánh tay nối dài” của Nhà nước. Tuy nhiên, chính quyền trung ương cũng phải tôn trọng quyền tự trị của làng xã và dành cho làng xã một giới hạn tự chủ tương đối rộng trên các phương diện hành chính, tài chính, văn hoá, cũng như trật tự trị an và tư pháp. Nói cách khác, “trải qua các triều đại, nhà nước phong kiến luôn luôn tìm cách nắm bộ máy tổ chức xã thôn ngày càng chặt chẽ hơn nhưng luôn thất bại” [8, 213]. Điều này khẳng định vị thế không hề “lép vế” của làng xã Việt Nam trong mối quan hệ với nhà nước phong kiến trong lịch sử³. “Đối với Nhà nước thì Xã, Thôn là một đơn vị, về công việc thì nhà nước chỉ biết toàn xã chứ không biết từng người... Công việc trong làng thì thường do dân làng bàn định, chứ Nhà nước ít can thiệp đến, mà nhiều khi Nhà nước có can thiệp cũng vô hiệu quả, cho nên ở nước ta có câu tục ngữ rằng: “Phép vua thua lệ làng” [1, 144 - 145].

1.2. Quyền tự chủ của làng xã trong việc xử lý tội phạm

Với địa vị như trên, làng xã có vai trò tương đối chủ động trong việc xử lý tội phạm để giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn. Trước hết, vai trò này được khẳng định mạnh mẽ và thể hiện phổ biến trong rất nhiều hương ước còn được lưu giữ lại

công trình của các nhà nghiên cứu lịch sử văn hoá trong và ngoài nước.

² Một số sử liệu để góp phần làm rõ những nội dung khái quát sẽ được chúng tôi trích dẫn và phân tích trong phần sau của bài viết.

³ Giải thích kỹ hơn về vị thế này, học giả Đào Duy Anh viết trong cuốn Việt Nam Văn hoá sử cương xuất bản lần đầu năm 1938 (tr. 145, 146) như sau: “Đời xưa các xã thôn không có Lý trưởng do dân cử như ngày nay, mà chỉ có quan lại cho triều đình đặt gọi là xã quan. Theo sách Lịch triều Hiến chương thì buổi Trần sơ đời Thái Tôn đặt chức ty xã, ngũ phẩm trở lên đặt làm đại ty xã, lục phẩm trở xuống đặt làm tiểu ty xã, cùng với xã chính, xã giám là các xã quan, phải chăm sóc việc tu tạo hộ tịch, chức nhiệm cũng xem là quan trọng. Đời Trần Thuận Tông thì các chức ấy bị

bãi, nhưng sang triều Lê, sau khi khai quốc, đặt lại xã quan trở lại, đại xã 3 người, trung xã 2 người, tiểu xã 1 người. Đời Thánh Tôn thì đổi các xã quan làm xã trưởng. Sau khi nhà Lê trung hưng, nhà vua khiến các châu huyện chọn cho các nho sinh và sinh đồ đặt các chức xã trưởng, xã sử, xã tư, giao cho chính lý việc làng và xét hỏi kiện cáo. Đến đời Cảnh Trí lại chọn các lương gia từ đệ cho làm xã trưởng để huấn hoá xã dân, cứ ba năm thì xét hành trạng, nếu tốt thì cho thăng làm huyện quan. Từ buổi trung hưng, chức xã trưởng đã do quan địa phương chọn cử. Thế là triều đình đã không can thiệp trực tiếp đến việc xã thôn như xưa nữa. Từ ấy quyền của triều đình lại ngày một giảm, cho nên đến đời Long Đức Vĩnh Hựu thì xã dân tự hành bầu cử lấy xã trưởng, rồi trình lên quan phê chuẩn mà thôi. Lệ ấy vẫn còn cho đến ngày nay”.

đến ngày nay⁴. Điều 7 Hương ước làng Mộ Trạch, xã Cửu Khoán (huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) quy định về thẩm quyền xử phạt của làng: “Người nào tụ tập bè đảng, ngang nhiên trộm cướp, khi bị bắt quả tang, sẽ bị phạt 50 quan tiền. Ban đêm, ăn trộm đồ vật trong nhà người ta mà bị bắt quả tang, thì bị phạt 30 quan” [9, 306]. Việc phát hiện, điều tra và xét xử những vụ việc phạm tội nhỏ trước hết là quyền và trách nhiệm của làng. Điều 74 Hương ước làng Quỳnh Đôi (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An): “Phòng ai có sự uất ức phải trình với làng xử đoán cho, không nên sinh sự kéo nhau đi kiện ở quan. Nếu không xét được bình tình thì mới lên kêu ở quan huyện, quan phủ... những kẻ không trình làng xử trước, lên quan huyện, quan phủ để kiện, làng cũng phạt đồng như vậy” [9, 288].

Không chỉ trong các hương ước, vai trò của làng xã còn được chính thức hoá qua các quy định về thẩm quyền xử lý tội phạm trong các văn bản pháp luật. Nhà nước quy định các loại tội phạm và phân quyền giải quyết các loại tội phạm, cho phép thiết chế tự quản của làng có thẩm quyền xử lý những vụ án hình sự nhất định. Từ Bộ luật thành văn đầu tiên còn lưu giữ được – Quốc triều hình luật thời Lê (Bộ luật Hồng Đức), đến Bộ Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long) và cả Luật hình sự tố tụng thời Pháp thuộc, đều cho phép làng xã quyền xử lý các vấn đề an ninh trật tự và tội phạm. Các nhà làm luật thời Lê phân định việc rất nhỏ kiện ở xã quan, việc nhỏ đến kiện ở lộ quan, việc trung bình đến kiện ở quan phủ... nếu xã quan xử đoán không hợp lẽ thì kêu đến quan huyện (Điều 672 (Điều 15 Chương Đoán ngục Quốc triều hình luật). Tương tự, Hoàng Việt luật lệ quy định nhiều vụ việc cần được lý trưởng, chánh tổng hòa giải, nếu hòa giải bất thành thì sự việc tiếp tục được giải quyết ở cấp cao hơn và phân định thẩm quyền tố tụng tương đối cụ thể (các chương 15, 16, 19, 20). Thời Pháp thuộc, Luật hình sự tố tụng quy định đối với các tội vi cảnh, trách nhiệm khám sát (đò xét, theo dõi) và khám nghiệm các tội vi cảnh

được trao cho một mạng lưới rộng lớn các quan chức của nhà nước và làng xã: “Các quan hành chánh ở tỉnh, phủ, huyện, các viên bổ nhiệm về việc cảnh sát trong địa hạt hoặc thôn xã, chánh, phó tổng, lý trưởng và phó lý trưởng đều có trách nhiệm thám sát và khám nghiệm về các tội vi cảnh cũng là nhận thu tờ báo cáo, tờ cáo giác và đơn không về việc vi cảnh. Các viên chức ấy sẽ làm biên bản kê rõ: tính chất tình trạng việc vi cảnh, thì giờ, trường sở phạm tội, bằng cứ hoặc chứng tích gì tình nghi là phạm tội và các lời khai. Các quan thẩm phán sơ cấp thụ lý là do tiếp nhận các biên bản nói ở đoạn trên hoặc do tiếp nhận đơn không của người bị hại hoặc do đương trường gặp sự vi cảnh” (Điều 1).

Có thể nói, đây là sự “thỏa hiệp” hợp lý giữa nhà nước và làng xã, nhà nước không thể và không cần kiểm soát hết mọi tội phạm, nhà nước lựa chọn một giải pháp vừa sức nhưng vẫn bảo đảm được quyền lực và vị thế của nhà nước, đó là phân định thẩm quyền xử lý tội phạm theo hướng cho phép làng xã xử lý tội phạm ít nghiêm trọng còn nhà nước sẽ tập trung giải quyết những vụ phạm tội nghiêm trọng hơn. Để xử lý những tội phạm thuộc thẩm quyền của mình, làng xã có bộ máy, có con người, có sức mạnh cưỡng chế bằng quyền lực đặc biệt của chính làng xã, đó là quyền quyết định địa vị của mỗi thành viên làng xã. Hương ước làng Ý La, tổng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (quận Hà Đông, Hà Nội), mục 23 quy định: “*kể về việc người có thành tích bất hảo: người nào can án ba năm trở lên, thời chung thân không được dự đình trung hương tỉnh hương ẩm. Ba năm trở xuống thời cất ngôi, trừ phân. Hai năm hết hạn thời lại được ra*” [9, 372]. Khoản thứ 81 Hương ước xã Phù Xá Đoài, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên (huyện Sóc Sơn, Hà Nội): “*Về sau những người phạm pháp đều được quan trên khoan tha, những các công việc trong làng đều không được dự nghị và suốt đời không được bầu giữ một chức gì trong làng, như thế để cảnh giác mọi người*” [9, 358].

⁴ Chúng tôi sử dụng các hương ước điển hình được nhà nghiên cứu Lê Đức Tiết sưu tầm, đưa vào phụ lục cuốn

sách “Về hương ước, lệ làng”, do Nxb. Chính trị Quốc gia xuất bản năm 1998.

1.3. Vai trò của làng xã trong việc phòng, chống tội phạm⁵

Vai trò của làng xã trong việc phòng, chống tội phạm thể hiện qua các phương diện cụ thể sau đây:

Thứ nhất, thiết lập các thiết chế tự quản để canh phòng, tuần tra, ngăn chặn những hành vi gây mất trật tự trị an và tội phạm. Các “đình” (nam giới) trong mỗi làng xã có quyền và nghĩa vụ tham gia vào “ban tuần”, gọi là các “tuần đình”, đứng đầu ban tuần là một vị “trương tuần” để chỉ huy, điều hành việc tuần tra canh gác. “*Đứng đầu các tuần đình trong làng ở Bắc gọi là Trương tuần, ở Trung gọi là Hương kiểm. Viên chức này có nhiệm vụ thi hành các chỉ thị của Hội đồng Kỳ hào liên quan đến các công việc của cảnh sát và tuần phòng trong xã*” [7, 255]. Đây là lực lượng chuyên trách và nòng cốt, ngoài ra, khi có tội phạm hoặc có các tình huống khẩn cấp phát sinh thì các “đình” khác không trong ban tuần cũng đều phải có trách nhiệm tham gia hỗ trợ. Khoản thứ 52 Hương đoàn xã Phù Xá Đoàn yêu cầu: “*Ban ngày hay ban đêm mà nghe thấy người trong làng hô hoán hay là thấy lân bang có hiệu trống mõ, thời lí dịch, thủ phiên phải xuất tuần phu ra địa đầu ứng tiết, nếu là cướp bóc thời phải nổi hiệu trống mõ của làng, dân đình đều phải ra cứu trợ*” [9, 339]. Những quy định như thế này trong các hương ước cho thấy tính chủ động và tính cộng đồng trong hoạt động phòng, chống tội phạm ở các làng xã Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng, trông coi, duy tu các công trình canh gác, bảo vệ làng như đường lũy, trạm chốt, điểm canh... Ví dụ, khoản thứ 51 Hương đoàn xã Phù Xá Đoàn quy định: “*Đường lũy quanh làng có khuyết liệt hay trống trải, thủ phiên phải báo chủ nhà sửa đắp và rào dậu lại như cũ*” [9, 339]. Các làng xã Việt Nam “*tồn tại biệt lập với nhau và độc lập với triều đình phong kiến. Tính tự trị khẳng định sự độc lập của làng xã, không liên hệ với bên ngoài; làng nào biết làng ấy, mỗi làng là một vương quốc khép kín...*” [8, 213] với các công trình mang tính chất phân

định địa giới, phòng thủ của làng. Các công trình trên có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa sự xâm nhập từ bên ngoài, ngăn ngừa trộm cướp vắng lai, nhất là ở các làng có các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy thuận lợi đi qua. Biện pháp này giúp cho các làng xã tập trung vào việc kiểm soát trật tự trị an trong nội bộ, các tranh chấp bên trong mỗi làng, ngăn chặn, phòng tránh việc phải đưa các vụ việc phạm pháp có yếu tố từ bên ngoài lên các cơ quan nhà nước bên trên giải quyết, dẫn tới những trường hợp “phải va” không cần thiết.

Thứ ba, tạo “thế trận” toàn dân, toàn thể cộng đồng làng xã tham gia đấu tranh chống tội phạm, tạo hệ thống “tai mắt” để phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm. Hương ước làng Mộ Trạch, xã Cửu Khoán, xứ Hải Dương các điều 29 và 30 quy định thưởng những ai đã giúp sức bắt được kẻ gian đang bị truy lùng, đồng thời phạt những người nào không chịu hưởng ứng giúp sức hoặc chứa chấp chúng. Hương ước làng Ý La, tổng La Nội, Phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, mục 14 quy định: “*Ai mà chứa người đánh bạc, lí dịch với ban tuần xét thực thời cứ trưởng xóm ấy bắt một đồng bạc sung công. Còn như rượu lậu, thuốc phiện lậu thời lí dịch với ban tuần xét được làm giấy trình quan, có lỗi người ấy phải chịu mà làng cũng bắt để sung công*” [9, 368]. Những quy định như thế này là một hình thức răn đe với tất cả những ai có ý định làm điều gian phi hoặc chứa chấp, đồng thời động viên, khuyến khích tố giác tội phạm.

Thứ tư, quản lí chặt chẽ nhân khẩu, “khai báo tạm trú, tạm vắng” và đặc biệt là trình báo chức dịch khi có người lạ từ nơi khác đến. Khoản thứ 56 Hương đoàn xã Phù Xá Đoàn quy định: “*Những hành khách qua lại ngủ đỗ nhà ai trong làng thì chủ nhà phải trình thủ phiên mình biết để tiện việc tuần phòng, để phòng gian phi, những thợ gặt trong mùa lúa từ nơi khác đến, các thuyền buôn bán đi lại ở sông đêm ngủ đỗ ở địa phận làng cũng phải được trình báo, xuất trình giấy tờ*” [9, 342]. Các làng xã Việt Nam một mặt đặt ra các quy định về hỗ trợ, cứu mang người cơ

⁵ Một số ý tại tiểu mục 1.3 đã được chúng tôi đề cập trong tiểu mục 5.2, Chương 5, Sách “Kiểm soát xã hội đối với tội

phạm” do Trịnh Tiên Việt chủ biên, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2015.

nhờ, gặp hoàn cảnh khó khăn khi tha phương cầu thực, chết đường chết chợ, mặt khác lại có các quy định thể hiện thái độ không hoan nghênh người nơi khác đến ngụ cư, kiểm soát chặt chẽ những đối tượng vắng lai. Kiểm soát chặt chẽ những đối tượng vắng lai vừa là “để phòng gian phi”, vừa phản ánh “chủ quyền” của làng xã và phần nào đó cũng phản ánh yếu tố ngăn sông cấm chợ, trọng nông không trọng thương, không khuyến khích các hoạt động giao lưu, giao thương trong văn hoá nông nghiệp Việt Nam cổ truyền.

Thứ năm, ngăn chặn các mâu thuẫn, các hành vi gây rối để tránh nguy cơ trở thành tội phạm. Đây là một đặc điểm và cũng là ưu thế của các hương ước, lệ làng trong việc giảm thiểu nguyên nhân, điều kiện phạm tội, giữ gìn các quan hệ rường cột trong gia đình, dòng họ, làng xã. Điều 64 Hương ước làng Quỳnh Đôi quy định: “*Người ta lấy luân lí làm trọng, nghĩa là làm cha thì tính nét hiền lành, làm con thờ cha mẹ cho có hiếu... Nếu mà không được như thế thì không khác gì loài cầm thú. Ai có điều lỗi không đợi người nhà trình đạt, chỉ cần có người giác với làng là làng chiếu theo tội nặng hay nhẹ mà bắt phạt*” [9, 285] hoặc “*nếu ai có sự gì bất bình thì trình lý trưởng khu xử, không được thiên tiện cãi nhau, đánh nhau. Nếu xử không nghe thì đến ngày hội đồng đem ra xét xử, người có lỗi phải phạt nặng, người không lỗi phải phạt người kém lỗi hay phần. Phạt cả đôi bên để khuyến khích lấy sự hòa hảo hòa mục*” (khoản thứ 70 Hương ước làng Mộ Trạch) [9, 348]. Đây là những quy định vừa thể hiện yếu tố “duy tình” của người Việt, vừa thể hiện thái độ đề cao các giá trị xã hội của đạo đức Nho giáo và quan điểm về việc quản lý xã hội của Nho giáo tại một quốc gia ảnh hưởng sâu đậm của hệ tư tưởng Nho giáo như Việt Nam: “đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách” - nếu dùng đạo đức để dẫn đường dân, dùng lễ để cai quản dân, dân không những có lòng liêm sỉ, mà còn tự uốn chỉnh bản thân (Luận ngữ, Khổng Tử). Văn hoá làng xã tạo nên cơ chế

kiểm soát xã hội đối với hành vi của các thành viên làng xã. “Đối với bất kì ai nếu có hành vi lệch lạc, khi có kiểm soát xã hội sẽ ngăn chặn các hành vi này, phê phán loại bỏ nó, đưa những người có hành vi lệch lạc đó trở lại trật tự, khuôn phép đã có” [10, 166 - 167].

2. Những di sản và hệ lụy của văn hoá làng xã trong phòng, chống tội phạm

2.1. Những di sản của văn hoá làng xã cần được phát huy trong phòng, chống tội phạm

Thế kỷ XX đã chứng kiến những thay đổi to lớn, căn bản trong lịch sử xã hội Việt Nam nói chung và làng xã Việt Nam nói riêng. Làng xã nông thôn Việt Nam hiện nay đã có một diện mạo mới khi tiếp nhận hệ thống thể chế - pháp luật thống nhất của nhà nước và đặc điểm tự trị của làng xã truyền thống hầu như không còn tồn tại khi các thiết chế chính quyền, đảng, đoàn thể tại các làng xã là các đơn vị hành chính của bộ máy nhà nước, là các nhánh/chi (chi bộ, chi hội,...) của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội được tổ chức thống nhất trên toàn quốc, được thụ hưởng phần lớn kinh phí hoạt động từ ngân sách,... Tuy nhiên, văn hoá làng xã vẫn để lại những di sản đến ngày nay, do văn hoá làng xã góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của dân tộc⁶ – “một hệ thống giá trị văn hoá đã được định hình, phát triển trong suốt lịch sử dân tộc, đến mức trở thành “thể căn cước” mang đậm diện mạo trí tuệ, tâm hồn và phong cách văn hoá trong hoạt động xã hội và cả trong sinh hoạt cá nhân” [11, 282]. Mặt khác, dù đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa trong những thập niên gần đây song nước ta về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp, phần đông dân số sống ở nông thôn⁷. Việc kế thừa các kinh nghiệm của thể chế trước trong việc xử lý vấn đề tội phạm trong một xã hội hiện đại nhưng vẫn đậm chất nông nghiệp, nông thôn là cần thiết. Từ vai trò của làng xã truyền thống, vai

⁶ Thậm chí, có ý kiến cho rằng “không có làng xã Việt Nam thì không có quốc gia Việt Nam” (Vũ Đình Hòa, Hồi ký Thanh Nghị, NXB. Hà Nội, Hà Nội, 1997, tr. 318).

⁷ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số khu vực nông thôn Việt Nam tính đến năm 2020 là 61.650,03 trên tổng dân số toàn quốc là 97.582,69 người.

trò của các yếu tố cấu thành thiết chế này trong bối cảnh hiện đại đã và đang được phát huy, cụ thể:

(i) Vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong phòng, chống tội phạm. Các nhà nước phong kiến Việt Nam đã nhìn ra vai trò của làng xã trong việc phòng, chống tội phạm và tạo điều kiện để làng xã thực hiện hiệu quả vai trò này. Hiện nay, Đảng và Nhà nước cũng có cách tiếp cận hợp lý khi đề cao vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, “đưa công tác phòng chống tội phạm trở thành một trong những nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành, đoàn thể, cơ quan đơn vị và các địa phương” và xác định cần: “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền, sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng ở xã, phường, thị trấn và vai trò tham mưu tích cực của công an xã, phường, thị trấn” (Chỉ thị số 37/2004/CT-Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/11/2004 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010). Những năm gần đây, vị trí của công an xã, của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở đang được đánh giá lại, điều chỉnh lại. Chủ trương nâng cao chất lượng công an xã, luật hoá tổ chức và hoạt động của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở đang được triển khai, dù còn nhiều ý kiến tranh luận, cũng cho thấy sự cần thiết, sự kế thừa có chọn lọc các bài học kinh nghiệm tổ chức phòng, chống tội phạm rút ra từ trong lịch sử dân tộc.

(ii) Vai trò của người dân trong phòng, chống tội phạm ở cộng đồng dân cư. Sự tham gia của người dân là một trong những yếu tố tạo nên dấu ấn và vai trò của làng xã cổ truyền trong phòng, chống tội phạm. Các thiết chế ban tuần, đình tuần trong lịch sử làng xã Việt Nam thể hiện trách nhiệm của mỗi thành viên đối với cộng đồng làng xã, nơi họ có quê hương, có người

thân, nhà cửa, đất đai, mồ mả tổ tiên cần gìn giữ. Chính vì vậy, sự tham gia của người dân là tự giác, tự nguyện. Pháp luật hiện đại quy định “*Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm; tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm*” (khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015); “*Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm*” (khoản 3 Điều 4 Bộ luật hình sự năm 2015) là đúng nhưng cần “*tạo điều kiện cho nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm trở thành phong trào thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”, “*xây dựng thế trận lòng dân*”, “*huy động sức mạnh của Nhân dân trong phòng, chống tội phạm*”⁸. Về vấn đề này, Chỉ thị số 48-CT/TW của Ban chấp hành Trung ương ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đã yêu cầu: “*Huy động sự tham gia rộng rãi, tích cực của các tổ chức quần chúng và nhân dân vào công tác phòng, chống tội phạm. Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015 ban hành theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 6/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ cũng hướng tới mục tiêu “*huy động sự tham gia tích cực của toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm*”.

iii) Vai trò của hoà giải ở cơ sở. Phát huy vai trò của hoà giải ở cơ sở để giảm thiểu nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng là một chủ trương đúng, đã và cần tiếp tục thực hiện hợp lý và hiệu quả. Chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở (làng, thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố) hiện nay là “*khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng hình thức hòa giải ở cơ sở và các hình thức hòa giải thích hợp khác. Khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở và tham gia các hình thức hòa giải thích hợp khác*”

⁸ Xem: Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự

lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

(khoản 1 Điều Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013). Hòa giải khi những mâu thuẫn về đất đai, thừa kế,... đang manh nha ở cộng đồng có ý nghĩa giảm thiểu nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Hòa giải ở cơ sở, phát huy vai trò của những “người có uy tín” là vấn đề không mới ở Việt Nam, có nguồn gốc từ văn hoá làng xã và các thiết chế “tư pháp làng” - khu xử của lý trưởng, của hội đồng kỳ mục, gắn với lối ứng xử linh hoạt, mềm dẻo, trọng tình cảm, trọng tình làng nghĩa xóm và rất gần so với các luận điểm, luận thuyết hiện đại về tư pháp phục hồi, xử lý chuyển hướng... Việc xử lý ngay các mâu thuẫn, hiềm khích có nguy cơ dẫn tới các hành động phạm tội là một chiến lược phòng, chống tội phạm hiệu quả, đồng thời thể hiện tính nhân văn trong việc gìn giữ tình làng nghĩa xóm, tránh cho các bên liên quan khỏi nguy cơ trở thành người phạm tội và người bị phạm tội.

iv) Vai trò cộng hưởng của các quy phạm xã hội tại cộng đồng để kiểm soát tội phạm. Thiết chế làng xã đã tạo nên văn hoá cộng đồng và những con người cộng đồng – yếu tố cộng đồng được đề cao, được đặt trên yếu tố cá nhân trong mỗi thành viên của cộng đồng. Trong cộng đồng này, các quy phạm đạo đức phát huy vai trò dẫn dắt hành vi của con người, được bảo đảm bằng quyền lực của dư luận xã hội, của địa vị mỗi người trong các làng xã. Những quy định, tập tục về mâm trên, chiếu dưới hay khao làng, phạt vạ thể hiện quyền lực mạnh mẽ của làng xã đối với mỗi thành viên của làng xã. Ngoài ra, trong các làng xã, còn có các quy phạm xã hội khác như quy phạm của dòng tộc (tộc quy, tộc ước), của các thiết chế tôn giáo, tín ngưỡng làng xã (nhà chùa, nhà thờ) răn dạy, giáo dục, góp phần định hình lối sống, hành vi của con người. Kể cả trong xã hội hiện đại, pháp luật chỉ là một trong các quy phạm xã hội điều chỉnh hành vi của con người. Việc kết hợp các quy phạm xã hội, định hướng dư luận xã hội để những người có nguy cơ phạm tội phải điều chỉnh lại hành vi của bản thân là một hình thức biến cái ngoại cảnh, ngoại sinh (sự áp đặt từ bên ngoài) thành cái nội sinh – các rào cản tâm lý bên trong đối với người có nguy cơ phạm tội. Ngày nay, chủ trương xây

dựng nông thôn mới với việc xây dựng các làng văn hoá, “*các hương ước kiểu mới “Quy ước làng văn hóa”, “Quy ước làng”, “Quy ước nông thôn”*” [3] thúc đẩy bảo tồn, chân hưng dòng họ, vai trò của dòng họ... cho thấy cách nhìn nhận mới của nhà nước về vai trò của các thể chế này đối với việc quản lý xã hội cũng như kiểm soát hành vi của con người – yếu tố cốt yếu của kiểm soát xã hội đối với tội phạm.

2.2. Một số hạn chế, rào cản từ văn hoá làng xã trong phòng, chống tội phạm

Bên cạnh những giá trị tích cực, văn hoá làng xã cũng có những hạn chế nhất định và trở thành các rào cản nhận thức đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

Trong lịch sử Việt Nam, làng xã với vai trò tự chủ, tự quản cổ hữu đã góp phần định hình mối quan hệ tương đối dân chủ giữa làng và nước theo cách diễn đạt hóm hỉnh như trong truyện dân gian Trạng Quỳnh. Trạng (người đỗ đạt cao ra làm quan, đại diện cho nước) đối thoại với Thành hoàng (đại diện cho làng) rằng: “*Chú là kẻ lớn trong làng, Ta là người sang ngoài nước, Đói bên chức tước, Chảnh kém chi nhau...*”. Tuy nhiên, vai trò này của làng xã cũng từng được đánh giá là “*làm suy giảm uy quyền của cơ quan trung ương và đồng thời làm hại đến sự bền chặt của nền thống nhất quốc gia*” [7, 177]. Ngày nay, tuy tình trạng như nhận xét trên không phải là vấn đề lớn, nhưng vẫn còn hiện hữu những trường hợp “*việc soạn thảo và thực hiện hương ước mới đã và đang bộc lộ nhiều mặt hạn chế và bất cập, trong đó, nổi lên là việc trong nội dung của nhiều bản hương ước có những điều khoản với những hình phạt không đúng pháp luật và vượt thẩm quyền của cấp xã*” [2], những trường hợp vi phạm pháp luật, tội phạm và không được thống kê, xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền, được giữ lại để xử lý “nội bộ”, xử lý hành chính ở cấp xã. Trong một thời gian dài, do nhận thức chưa đúng và do “*chúng ta không đủ lực lượng và tình hình ở xã cũng chưa phải phức tạp, cấp bách*” [4] nên việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn chủ yếu do lực lượng

Công an xã không chính quy, lực lượng bán chuyên trách ở địa phương đảm nhiệm với khối lượng công việc lớn, đầu việc nhiều (nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội; quản lý cư trú; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ; quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã; tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẫn trốn trên địa bàn xã...). Công an xã khi tiếp nhận, phân loại, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, vừa có những thẩm quyền “tiền tố tụng” như bảo vệ hiện trường, lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng, vừa có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính... Trong một thời gian dài việc không có sự tham gia trực tiếp của công an chính quy, không có sự kiểm sát của Viện kiểm sát đã dẫn tới hiện tượng địa phương chủ nghĩa, chia cắt trong phòng, chống tội phạm ở một số nơi, thậm chí có hiện tượng công an xã cậy quyền thế, trở thành các “trương tuân hiện đại” trong mỗi làng xã. “*Lâu nay dư luận bức xúc các trường hợp công an đánh người, vi phạm,... thực ra nằm ở lực lượng không chính quy trên địa bàn xã này*” [4]. Chủ trương chính quy hoá công an xã, đưa công an chính quy về xã trong những năm gần đây đã góp phần giải quyết hậu quả của việc trao quá nhiều thẩm quyền cho công an xã không chính quy và phần nào đó cũng là hậu quả của văn hoá tự quản làng xã, tư tưởng cục bộ, bản vị địa phương trong phòng, chống tội phạm.

Trong một xã hội đang dịch chuyển mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ nông thôn sang thành thị, con người cá nhân cũng cần được đề cao, việc mưu cầu các lợi ích cá nhân chính đáng cần được tôn trọng. Những phương thức, công cụ truyền thống của văn hoá làng xã trong kiểm soát xã hội đối với tội phạm (dư luận xã hội, định kiến xã hội, trật tự vai vế...) sẽ không còn phù hợp nếu chỉ chú trọng con người cộng đồng mà xem nhẹ con người cá nhân, vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội (đòi hỏi người mới chỉ bị buộc tội phải được đối xử như là chưa có tội), cản trở tái hoà nhập xã hội của người phạm tội, người nghiện... sau thời gian bị cách ly khỏi

cộng đồng, góp phần dẫn tới các nguy cơ tái phạm, tái nghiện. Mặt khác, “Tâm lý cộng đồng làng xã có mặt tiêu cực là tính cục bộ, địa phương hẹp hòi và phủ nhận tư cách cá nhân, không vươn tới sự giải phóng cá nhân” [5, 150]. Tâm lý cộng đồng làng xã với “xấu đàn hơn tốt lối”, “mắt toét là tại hướng đình, cả làng mắt toét riêng mình em đâu” (tục ngữ, cao dao Việt Nam) đã dẫn tới những trường hợp phạm tội kiểu “hội đồng”, kiểu tập thể như buôn bán, vận chuyển hàng lậu ở các làng bản biên mậu, sản xuất hàng nhái, hàng giả ở các làng nghề, thậm chí phá rối an ninh, chống chính quyền, gây rối trị an ở một số địa phương khi có các vấn đề tôn giáo, đất đai, môi trường chưa được giải quyết thoả đáng và bị kích động, lôi kéo của các thế lực thù địch. Trong xử lý tội phạm, việc “*xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ*” và “*khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội*” là những nguyên tắc quan trọng hàng đầu (Điều 15, 13 Chương II Những nguyên tắc cơ bản, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Tuy nhiên, văn hoá làng xã, tư duy kinh nghiệm của phương thức sản xuất tiểu nông, “*tính cách “dung hoà” (compromis) hay theo chúng tôi dịch thật sát nghĩa là “hoà cả làng”*” [12] đã góp phần cản trở những nguyên tắc này khi cho phép chấp nhận “du di”, “chín bỏ làm mười” trong đánh giá chứng cứ, coi nhẹ các yêu cầu về tuân thủ trình tự, thủ tục trong điều tra, khám phá tội phạm.

3. Kết luận

Trong lịch sử, làng xã Việt Nam luôn có vai trò quan trọng trong việc phòng, chống tội phạm. Vai trò này xuất phát từ vị trí, mối tương quan khá dân chủ của làng với nước trong xã hội Việt Nam truyền thống cũng như tính cộng đồng, tính tự trị của mỗi làng xã. Chính quyền trung ương đã thể hiện sự tôn trọng nhất định đối với làng xã và tạo điều kiện phát huy các ưu thế, sở trường

của làng xã trong việc giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn. Trong xã hội Việt Nam hiện đại, dù công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang được đẩy mạnh nhưng văn hoá làng xã vẫn đang ít nhiều được bảo lưu với cả những ưu điểm và hạn chế cố hữu.

Vai trò tự quản, tính chất tập thể tạo nên sự chủ động và giá trị cộng đồng, “sự nghiệp toàn dân” của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lịch sử Việt Nam, cũng như củng cố các ứng xử hợp chuẩn, hạn chế các ứng xử lệch chuẩn và hành vi phạm tội, nếu nhìn từ lăng kính của xã hội học tội phạm. Đây là ưu điểm cơ bản của văn hoá làng xã Việt Nam. Những ưu điểm này vẫn đang được bảo lưu và phát huy bằng cách hình thức khác nhau phù hợp với hoàn cảnh hiện nay như nâng cao hiệu quả của các thiết chế tự quản ở cơ sở, kêu gọi sự tham gia của nhân dân, mở rộng hình thức hoà giải tại cộng đồng, đa dạng hoá các quy phạm xã hội để hỗ trợ pháp luật trong việc giáo dục, định hình lối sống và xử sự của mỗi cá nhân để kiểm soát hành vi, phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội... Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực là cơ bản, vẫn còn một số hạn chế của văn hoá làng xã như tư tưởng địa phương cục bộ trong phòng, chống tội phạm, định kiến, kỳ thị và tầm nhìn hạn hẹp, tư duy kinh nghiệm, tính cách bảo thủ, đề cao các ứng xử hợp chuẩn theo tâm lý số đông... là rào cản cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, cho việc thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa. Những rào cản này cần phải tiếp tục được nhận diện và dỡ bỏ trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đ. D. Anh, Việt Nam Văn hoá sử cương, Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002 (Quan hải tùng thư in lần đầu năm 1938).
- [2] B. X. Đính, Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt Nam - Những suy ngẫm, Tư pháp, Hà Nội, 2005.
- [3] B. X. Đức, Hương ước mới: những vấn đề điều chỉnh pháp luật, Khoa học pháp lý, 4 (2003).
- [4] VnExpress, Báo Hà, Vì sao 25.000 công an chính quy được điều về xã? <https://vnexpress.net/vi-sao-25-000-cong-an-chinh-quy-duoc-dieu-ve-xa-3760541.html>, 2018 (truy cập ngày 24/2/2022).
- [5] Đ. Long, Đ. Uy, Tâm lý học dân tộc, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
- [6] H. Phê (chủ biên), Từ điển Tiếng Việt, Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2005.
- [7] V. Q. Thông, Pháp chế sử Việt Nam, Tủ sách Đại học Sài Gòn, Sài Gòn, 1968.
- [8] T. N. Thêm, Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam (Cái nhìn hệ thống – loại hình), Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, 1997.
- [9] L. Đ. Tiết, Về hương ước, lệ làng, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [10] T. T. Việt (chủ biên), Kiểm soát xã hội đối với tội phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.
- [11] H. K. Vinh, Bản lĩnh văn hoá dân tộc trong giao lưu tiếp biến văn hoá toàn cầu, trong: Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (đồng chủ biên), Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá”, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [12] T. Q. Vượng, Từ sự phát triển văn hoá đến sự phát triển tâm lý dân tộc”, Thông tin Khoa học giáo dục, 12 (1987).